

Số: 595/2022/QĐST - HNGĐ

M, ngày 07 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 551/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2022 giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1990

Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, C, C, T.

Hiện cư trú: Ngõ 1, T, V, H, Tp H.

*** Bị đơn:** Chị Tống Minh A, sinh năm 1999.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Đội 4, thôn Đ, xã T, huyện M, H.

Căn cứ các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Tống Minh A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Tống Minh A có 01 con chung là Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 10/5/2016.

Giao cháu Nguyễn Tuấn M cho chị Tống Minh A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

Anh Nguyễn Tuấn A có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tuấn A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị Tống Minh A là 02 triệu đồng một tháng và cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung, công sức: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Tống Minh A thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn A tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000 (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn*) đồng. Anh Nguyễn Tuấn A đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí (*theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/006363 ngày 09/11/2022*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố H. Anh Nguyễn Tuấn A được hoàn trả **150.000**(*Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã T (số 07/2018);
- Lưu VP, HS;

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Hiểu